

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HS-ST

Ngày 19 - 8 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc

Ông Nguyễn Thanh Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hoàng Sa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2020/TLST-HS ngày 03/6/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HS ngày 03/7/2020, đối với bị cáo: **Lê Văn T**, sinh ngày 03 tháng 01 năm 2002 tại huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Thôn NS, xã QT, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn K và bà Nguyễn Thị L; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 04/4/2018, bị cáo bị Công an huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính số tiền 375.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị bắt tạm giam ngày 17/7/2020, hiện đang bị tạm giam; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Chị Trần Thị Anh Đ, sinh năm 1991;

2. Anh Trần Viết M, sinh năm 1991;

Cùng trú tại: Thôn TH, xã QT, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam. Đều có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Lê D, sinh năm 1969; trú tại: Thôn ĐB, xã QT, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

+ Người làm chứng: Anh Lê Văn T1, sinh năm 2000; trú tại: Thôn NS, xã QT, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 00 phút, ngày 01 tháng 4 năm 2020, bị cáo Lê Văn T đi bộ từ nhà đến cầu Nông Sơn thuộc Thôn NS, xã QT, huyện Nông Sơn rồi xin đi nhờ xe của một người không xác định được để xuống khu vực Công viên trước cổng Trụ sở Ủy ban nhân dân huyện Nông Sơn để chơi. Tại đây, T nhìn sang khu vực đối diện Công Trụ sở Huyện ủy Nông Sơn thì thấy chiếc xe máy nhãn hiệu Surius màu đỏ, đen, biển kiểm soát 92Y1-054.03 của anh Trần Viết M và chị Trần Thị Anh Đ, do chị Đ đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy đang để trên lề đường nhưng không có người trông coi nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt để làm phương tiện đi lại. T đến gần thì thấy chìa khóa xe vẫn còn cắm trên ổ khóa. T nổ máy xe rồi điều khiển xe chạy đến cầu Nông Sơn để về hướng thôn ĐB, xã QT, huyện Nông Sơn, đến tiệm sửa xe của ông Lê D. Tại đây, bị cáo T nhờ ông D tháo rời hai manh xe còn mình thì tự tháo biển kiểm soát xe. Tháo xong, T bỏ lại hai manh xe và biển kiểm soát tại tiệm sửa xe của ông D. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe máy vừa trộm được đến khu vực trước cổng trụ sở Ủy ban nhân dân huyện Nông Sơn thì bị anh Trần Viết M phát hiện, chặn giữ và báo Công an xã QT, huyện Nông Sơn đến lập biên bản và xử lý vụ việc theo quy định.

Tại Bản kết luận định giá số 11/KL-ĐGTS ngày 03/4/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Nông Sơn xác định: Chiếc xe máy hiệu Surius màu đỏ đen, biển kiểm soát 92Y1 - 054.03 mà bị cáo T trộm cắp có giá trị là 14.700.000 đồng.

Quá trình điều tra, Công an huyện Nông Sơn đã tiến hành thu giữ và trả lại vật chứng là chiếc xe máy hiệu Surius màu đỏ đen, biển kiểm soát 92Y1 - 054.03 cho người bị hại là anh Trần viết M và chị Trần Thị Anh Đ. Tại phiên tòa, người bị hại xác nhận đã nhận được tài sản, đồng thời xác định tài sản không có hư hỏng gì.

Tại Cáo trạng số 04/CT - VKSNS ngày 29/5/2020, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam đã quyết định truy tố bị cáo Lê Văn T tội “trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Qua tranh tụng tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng. Đồng thời đề

ngị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn T mức hình phạt từ 9 tháng tù đến 12 tháng tù. Về dân sự, do bị hại không có yêu cầu bồi thường nên kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; thống nhất với nội dung Cáo trạng và quan điểm luận tội của đại diện Viện Kiểm sát. Bị cáo, bị hại không có khiếu nại hành vi, Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử vụ án. Người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm mức hình phạt cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng này đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về Nội dung vụ án:

[2.1] Xét hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời thừa nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; phù hợp với những tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra, có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào lúc khoảng 16 giờ 00 phút ngày 01/4/2020, tại khu vực trước cổng Trụ sở Huyện ủy Nông Sơn thuộc thôn TH, xã QT, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam, bị cáo Lê Văn T lợi dụng sơ hở, thiếu cảnh giác của chủ sở hữu tài sản và bằng thủ đoạn lén lút đã thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc xe máy Surius màu đỏ, đen, biển kiểm soát 92Y1 - 054.03 của anh Trần Viết M và chị Trần Thị Anh Đ. Qua định giá, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Nông Sơn xác định giá trị chiếc xe máy mà bị cáo T trộm cắp là 14.700.000 đồng. Hành vi của bị cáo Lê Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa

đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng số 04/CT - VKSNS ngày 29/5/2020 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam truy tố về hành vi phạm tội “trộm cắp tài sản” mà bị cáo đã thực hiện là có cơ sở pháp luật.

[2.2] Xét tính chất, mức độ, tính nguy hiểm của hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thì thấy:

Bị cáo Lê Văn T thực hiện hành vi phạm tội khi đã đủ tuổi thành niên. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; có đủ nhận thức để làm chủ hành vi của mình. Bị cáo có đủ nhận thức để biết rằng quyền sở hữu tài sản của cá nhân, tổ chức được Pháp luật thừa nhận và bảo vệ nhưng do lười lao động nên bị cáo bất chấp pháp luật, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với mong muốn có được tài sản để sử dụng cá nhân. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

Tính chất, mức độ và tính nguy hiểm của hành vi phạm mà bị cáo Lê Văn T thực hiện là nghiêm trọng, gây nguy hại lớn cho xã hội. Tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị lớn. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chủ động tháo rời hai manh xe và biển kiểm soát xe, mục đích là làm cho chủ sở hữu xe và người khác không nhận ra chiếc xe mà bị cáo trộm cắp nhằm che dấu hành vi phạm tội của mình rồi ngang nhiên quay lại nơi đã thực hiện hành vi trộm cắp thể hiện sự coi thường, thách thức pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo một mặt trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại; mặt khác, gây nên tâm lý hoang mang, lo lắng, gây mất an toàn, an ninh - trật tự tại địa phương nhất là trong thời điểm chính quyền và nhân dân huyện Nông Sơn thực hiện nghiêm các biện pháp, yêu cầu về giãn cách xã hội nhằm ngăn chặn, phòng ngừa dịch bệnh Covid - 19. Do đó, tuy lần đầu phạm tội nhưng bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như đề nghị của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa.

Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác, thì thấy: Sau khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản, chỉ trong thời gian ngắn, tài sản bị trộm cắp đã được thu giữ trả lại cho người bị hại; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại xác nhận đã nhận lại tài sản và tài sản không bị hư hỏng gì; bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, tỏ rõ sự ăn năn, hối cải. Tại phiên tòa, người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, được quy định tại các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2.3] Xét nhân thân và các đặc điểm về lý lịch của bị cáo, thấy rằng:

Bị cáo Lê Văn T có nhân thân không tốt. Ngày 04/4/2018, bị cáo bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nhưng không lấy đó làm bài học để tự sửa chữa, cải tạo mình mà lại thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài

sản. Ngày 14/5/2020, bị cáo bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất nghi là ma túy; theo bị cáo khai là chất ma túy dạng “cỏ Mỹ” bị cáo mua về sử dụng; ngày 03/7/2020, bị cáo lại tiếp tục bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, bị cáo T không chấp hành quyết định triệu tập tham gia phiên tòa, vi phạm nội dung đã cam đoan khi được xem xét, áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” trước đó, thể hiện sự coi thường pháp luật. Những điều đó tiềm ẩn nguy cơ bị cáo tiếp tục phạm tội hoặc tiếp tục vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đến khả năng tự cải tạo, tự rèn luyện của bị cáo.

Căn cứ vào tính chất, mức độ, tính nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện; các đặc điểm về nhân thân và lý lịch của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời gian nhất định mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người tốt; đồng thời ngăn chặn, phòng ngừa được các hành vi phạm tội tương tự, góp phần gìn giữ an ninh, trật tự an toàn xã hội và đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương. Tuy nhiên, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên cần xem xét, giảm một phần mức hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[2.4] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại không yêu cầu giải quyết vấn đề dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án đã được cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Nông Sơn thu giữ, bảo quản và trả lại cho chủ sở hữu. Hội đồng xét xử thấy phù hợp nên không đề cập.

[2.6] Các vấn đề khác:

Ngày 03/4/2020, bị cáo Lê Văn T thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất nghi là ma túy, bị phát hiện, thu giữ và Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Nông Sơn trưng cầu giám định. Tại kết luận giám định số 351/C09C(Đ4) ngày 17/4/2020, Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: “Trong mẫu thực vật khô (đã cắt nhỏ) gửi giám định không có chất ma túy, khối lượng mẫu là 3,74 gam”. Nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nông Sơn không truy cứu trách nhiệm hình sự mà ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính vào ngày 14/5/2020 đối với bị cáo Lê Văn T là có cơ sở pháp luật. Mặt khác, hành vi tàng trữ trái phép chất nghi là ma túy, theo bị cáo khai là “cỏ Mỹ” được thực hiện và bị xử phạt vi phạm hành chính sau ngày bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên việc bị xử phạt vi phạm hành chính đó không được coi là “tiền sự” đối với hành vi phạm tội trộm cắp tài sản lần này của bị cáo. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn xác định đây là tiền sự của bị cáo là không đúng quy định pháp luật.

Ông Lê D đã có hành vi giúp bị cáo Lê Văn T tháo rời hai manh xe của chiếc

xe máy mà bị cáo trộm cắp nhưng không biết đó là chiếc xe mà bị cáo T đã chiếm đoạt trái pháp luật của người khác. Do đó, không đủ cơ sở để xem xét, xử lý trách nhiệm về hành vi này của ông Lê D.

Về án phí, bị cáo Lê Văn T chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T đã phạm tội “trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Áp dụng Điều 38, Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T hình phạt tù, mức hình phạt là 09 (chín) tháng, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 17/7/2020).

2. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV, buộc bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Viện KSND tỉnh Quảng Nam;
- Viện KSND huyện Nông Sơn;
- CQĐT Công an huyện Nông Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an Nông Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nông Sơn;
- Bị cáo; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Hữu Phúc